

VN-Index giảm 0,2%

Ngày báo cáo

9/10/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index giảm 0,2%

VN-Index giảm nhẹ 0,2% (-3,9 điểm) trong phiên thứ Sáu, đóng cửa tại 1.735,1 điểm. Tính chung cả tuần, chỉ số giảm 0,1% (-2,6 điểm). Toàn sàn ghi nhận 139 mã tăng, 180 mã giảm và 63 mã đi ngang. Thanh khoản tăng đáng kể so với phiên trước, đạt 27,5 nghìn tỷ đồng.

- Các cổ phiếu ngân hàng CTG (+1,0%), TCB (+1,4%), VPB (+1,5%) và HDB (+3,9%) tăng mạnh, trong khi ACB (-1,0%) giảm.
- Ở nhóm Vật liệu, DCM (+1,3%), DGC (+4,0%) và NKG (+1,5%) tăng mạnh, trong khi GVR (-3,0%), DPM (-1,1%) và DHC (-6,9%) giảm mạnh.
- Các công ty công nghiệp GEE (+2,9%), GMD (+1,5%) và GEX (+2,1%) tăng, trong khi VGC (-3,1%), PVT (-1,4%) và VTP (-2,1%) đồng loạt giảm.
- Các mã tăng/giảm đáng chú ý ở các ngành khác bao gồm các công ty BĐS NVL (+6,9%) và VIC (-1,1%), công ty công nghệ FPT (-3,0%), công ty dầu khí BSR (-3,0%) và nhóm Hàng tiêu dùng PNJ (+6,8%), DGW (-1,0%) và VPL (+0,9%).

Điểm tin

- DPG: Trúng gói thầu trị giá 1,2 nghìn tỷ đồng trên tuyến đường nối Sân bay Gia Bình – Hà Nội

Báo cáo trong ngày

- Báo cáo Ngành BĐS: Sửa đổi các luật bất động sản nhằm hoàn thiện khung pháp lý và mở rộng cơ hội phát triển
- PNJ: Cập nhật diễn biến gần đây & phân tích sơ bộ - Báo cáo chuyên đề
- CTD: "Ông lớn" ngành xây dựng sẵn sàng bước vào chu kỳ tăng trưởng mới của Việt Nam – Báo cáo Công ty

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1.735,1	261,6	124,2
% Δ	-0,2%	2,1%	-0,8%
- % Δ 1 tuần	-0,2%	-1,9%	-1,3%
- % YTD	-2,8%	4,4%	2,9%
- % YOY	1,1%	-4,9%	12,2%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	1.064,6	40,1	21,5
- TB 1 tháng (triệu)	654,1	29,5	25,9
- TB 1 năm (triệu)	929,8	56,4	24,9
- TB QTD	697,8	35,7	38,0
- % TB QTD/TB quý gần nhất	5,0%	3,8%	127,4%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	137,3	2,2	0,6
- Bán (triệu)	512,7	2,5	0,1
- GT ròng (triệu)	-375,4	-0,4	0,4
Độ rộng TT			
Mã tăng	136	61	115
Mã giảm	185	73	199
Không đổi	110	167	536
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	324,5	17,8	50,5
P/E trượt 12T	11,8	10,1	13,8
LS cổ tức*	3,0%	5,2%	2,5%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.877,2	26.771	1.980,24
VN30F2M	1.870,3	2.391	4,91
VN30F1Q	1.876,2	685	0,64
VN30F2Q	1.875,8	383	0,18
VN100F1M	1.767,0	75	0,74
VN100F2M	1.777,0	8	0,04
VN100F1Q	1.775,2	38	0,11
VN100F2Q	1.771,5	20	1,13
USD/VND		25.931	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1.84%.

Quan điểm kỹ thuật

Về mặt kỹ thuật, vùng 1.715–1.730 điểm tiếp tục giữ vai trò hỗ trợ quan trọng trong ngắn hạn và kịch bản giảm sâu chỉ được xác nhận khi khu vực này bị vi phạm. Trong phiên 12/10, VN-Index nhiều khả năng sẽ kiểm định lại vùng kháng cự gần quanh 1.750 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin

DPG: Trúng gói thầu trị giá 1,2 nghìn tỷ đồng trên tuyến đường nối Sân bay Gia Bình – Hà Nội

* CTCP Tập đoàn Đạt Phương (DPG) công bố đã ký hợp đồng một gói thầu xây dựng tuyến đường kết nối Sân bay Gia Bình – Hà Nội. Tổng giá trị hợp đồng của liên danh là 10,3 nghìn tỷ đồng, trong đó phần của DPG là 1,2 nghìn tỷ đồng (khoảng 12%).

* Dự án do Sun Group đầu tư (theo hợp đồng BT), với tổng mức đầu tư 83 nghìn tỷ đồng. Dự án khởi công ngày 19/12/2025 và đặt mục tiêu hoàn thành toàn bộ trước ngày 31/12/2026 (trước thềm APEC 2027).

* Tính cả gói thầu này, giá trị hợp đồng ký mới lũy kế từ đầu năm 2026 của DPG tăng lên khoảng 7,2 nghìn tỷ đồng, tương đương 110% dự báo cả năm của chúng tôi là 6,6 nghìn tỷ đồng, cao hơn một chút so với kỳ vọng. Chúng tôi cho rằng việc trúng thầu này giúp củng cố khả năng ghi nhận doanh thu đối với mảng xây dựng của công ty, đồng thời giúp DPG có vị thế tiềm năng để tiếp tục trúng thêm các gói thầu trong danh mục hạ tầng của Sun Group.

* Hiện chúng tôi khuyến nghị MUA đối với DPG, với giá mục tiêu 48.900 đồng/cổ phiếu.

Tóm tắt các báo cáo trong ngày

Báo cáo Ngành BDS: Sửa đổi các luật bất động sản nhằm hoàn thiện khung pháp lý và mở rộng cơ hội phát triển

* Quốc hội dự kiến tổ chức Kỳ họp thứ hai của Quốc hội khóa XVI từ ngày 17/10 đến ngày 20/11/2026. Chương trình họp bao gồm việc xem xét và thông qua các nội dung sửa đổi của ba luật liên quan đến bất động sản gồm Luật Đất đai, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh Bất động sản, sau khi đã được Quốc hội cho ý kiến lần đầu tại kỳ họp không thường lệ thứ nhất vào tháng 8/2026.

* Trước đó, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 79-NQ/TW về Kinh tế Nhà nước (ngày 06/01/2026), đặt mục tiêu sửa đổi Luật Đất đai trong năm 2026. Ban Chấp hành Trung ương Đảng sau đó đã ban hành Nghị quyết 21-NQ/TW (ngày 28/07/2026), tiếp theo là Nghị quyết 278/NQ-CP của Chính phủ (ngày 18/09/2026) nhằm đưa ra các định hướng chỉ đạo cho việc sửa đổi Luật Đất đai và các văn bản pháp luật liên quan.

* **Quan điểm của chúng tôi:** Tích cực - Khung pháp lý được hoàn thiện hơn và mở ra các cơ hội phát triển

Chúng tôi tiếp tục cho rằng các cải cách pháp lý này cho thấy quyết tâm của Nhà nước trong việc chủ động điều chỉnh chính sách, với định hướng xuyên suốt là nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng cường tính minh bạch và cải thiện khả năng tiếp cận nhà ở. Các sửa đổi đề xuất được kỳ vọng sẽ góp phần hoàn thiện khung chính sách và nâng cao hiệu quả thực thi các mục tiêu này. Tuy nhiên, do các dự thảo luật hiện vẫn đang trong quá trình xem xét và có thể tiếp tục được điều chỉnh, các đề xuất này nên được xem là định hướng sơ bộ. Trong khi đó, hiệu quả thực thi thực tế sẽ còn phụ thuộc vào các văn bản hướng dẫn chi tiết cũng như mức độ tuân thủ của các bên liên quan, với tác động có sự phân hóa giữa từng doanh nghiệp bất động sản.

* **Quy định giá đất:** Quy định giá đất được đề xuất, dựa trên bảng giá đất và hệ số điều chỉnh, nhằm mang lại phương pháp nhất quán và chuẩn hóa hơn trong việc xác định tiền bồi thường, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất. Trong đó, hệ số điều chỉnh giá nhằm đảm bảo tính linh hoạt trong việc phản ánh các thay đổi thực tế của thị trường.

* **Biện pháp khuyến khích sử dụng đất hiệu quả hơn:** Dự thảo Luật Đất đai sửa đổi đề xuất áp dụng mức thu bổ sung hàng năm tăng dần đối với các trường hợp chậm tiến độ sử dụng đất. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng đề xuất sửa đổi Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, bao gồm mức thuế suất 0,2% đối với đất bỏ hoang, không đưa vào sử dụng hoặc chậm đưa vào sử dụng. Các biện pháp này nhằm hạn chế tình trạng chậm triển khai dự án và thúc đẩy việc triển khai dự án đúng tiến độ, dù vẫn phụ thuộc vào các quy định và khâu thực thi chính thức.

* **Khả năng tiếp cận nhà ở:** Dự thảo Luật Nhà ở sửa đổi giới thiệu một khung pháp lý riêng biệt cho loại hình nhà ở cho thuê, phù hợp với định hướng chính sách của Chính phủ được đưa ra vào tháng 5/2026 nhằm cải thiện khả năng tiếp cận nhà ở. Chúng tôi cho rằng đây là cơ hội để các chủ đầu tư đa dạng hóa danh mục sản phẩm và đáp ứng nhu cầu của các nhóm đối tượng đủ điều kiện, thay vì hàm ý một sự chuyển dịch trên diện rộng từ nhà ở thương mại để bán sang nhà ở cho thuê. Tác động thực tế sẽ phụ thuộc vào các quy định hướng dẫn chi tiết, chính sách ưu đãi đi kèm và mức độ tham gia của các chủ đầu tư.

* Chúng tôi cũng nhận thấy bối cảnh chính sách đang trở nên **thuận lợi hơn dành cho cơ chế phát triển hạ tầng** thông qua mô hình PPP, bao gồm các dự án BT; điều này có thể mở rộng cơ hội phát triển đối với các chủ đầu tư, mặc dù mức độ tham gia thực tế nhiều khả năng sẽ phụ thuộc vào năng lực bảng cân đối kế toán, năng lực triển khai dự án và mức độ phù hợp với danh mục dự án của từng doanh nghiệp.

* Trong bối cảnh khung pháp lý bất động sản tại Việt Nam đang tiếp tục hoàn thiện theo hướng tuân thủ chặt chẽ hơn và minh bạch hơn, chúng tôi kỳ vọng **quá trình chuyển tiếp sang các luật sửa đổi sẽ diễn ra tương đối thuận lợi**. Các chủ đầu tư có năng lực tài chính vững mạnh và bề dày kinh nghiệm triển khai dự án – như **VHM, KDH** và **NLG** trong danh mục theo dõi của chúng tôi – đã có vị thế thuận lợi để phát triển và khai thác hiệu quả quỹ đất hiện hữu. Khi có hiệu lực, các luật sửa đổi có thể tiếp tục hỗ trợ quá trình triển khai dự án và mở rộng cơ hội phát triển của các doanh nghiệp này.

PNJ: Cập nhật diễn biến gần đây & phân tích sơ bộ - Báo cáo chuyên đề

* **Báo cáo này cập nhật các diễn biến liên quan đến PNJ kể từ [Báo cáo Cập nhật](#) gần nhất của chúng tôi, phát hành ngày 11/09/2026, đồng thời bổ sung **phân tích sơ bộ của chúng tôi**. Nội dung bao gồm (1) các tờ trình tại ĐHCĐ bất thường (dự kiến tổ chức ngày 21/10), gồm kế hoạch kinh doanh điều chỉnh và phương án phát hành riêng lẻ, (2) KQKD sơ bộ 8T 2026, (3) chính sách mua lại, và (4) phân tích độ nhạy sơ bộ của chúng tôi đối với dự báo LNST sau lợi ích CDTS giai đoạn 2026-32 cũng như tác động lên khoản lỗ ròng theo kế hoạch năm 2026 và giá trị sổ sách/CP tại cuối năm 2026.**

* **Giá cổ phiếu PNJ** đã giảm 69% từ giá đóng cửa ngày 02/07 đến giá đóng cửa ngày 09/10. Sau kết quả điều tra ban đầu ngày 20/08, các tin tức tiêu cực tiếp tục xuất hiện: LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 sau soát xét, việc các con gái và em trai của Chủ tịch HĐQT bán cổ phiếu, cùng với việc ĐHCĐ bất thường điều chỉnh giảm kế hoạch và tờ trình phát hành riêng lẻ.

* **Kế hoạch kinh doanh đề xuất tại ĐHCĐ bất thường:** Kế hoạch LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 được điều chỉnh từ mức lãi 3,4 nghìn tỷ đồng sang mức lỗ ròng 6,3 nghìn tỷ đồng, do khoản dự phòng mua lại sản phẩm là 7,1 nghìn tỷ đồng với giả định 80% doanh thu liên quan đến kim cương trong quá khứ sẽ được khách hàng bán lại.

* **KQKD sơ bộ 8T 2026:** Doanh thu thuần đạt 31.404 tỷ đồng (+39% YoY), hoàn thành 79% dự báo của chúng tôi, và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 668 tỷ đồng (giảm 54% YoY), hoàn thành 61%, cả hai đều thấp hơn dự báo hiện tại của chúng tôi. Doanh thu bán lẻ tăng 10% YoY trong 8T 2026 nhưng giảm 2% YoY trong tháng 7-8/2026; chúng tôi cho rằng doanh thu từ nhu cầu thực yếu hơn do số liệu này bao gồm giá trị của các giao dịch đổi sản phẩm.

* **Tác động lên khoản lỗ ròng theo kế hoạch năm 2026 & giá trị sổ sách/CP:** Giá trị sổ sách/CP cuối năm 2026 là 12.619 đồng nếu ghi nhận toàn bộ dự phòng theo kế hoạch; ước tính mỗi 10 điểm % chi phí dự phòng không ghi nhận sẽ làm tăng giá trị sổ sách/CP thêm 1.220 đồng.

* **Phân tích sơ bộ về tác động lên dự báo lợi nhuận của chúng tôi:** Trong khi chờ thêm thông tin chi tiết, phân tích sơ bộ này mang tính minh họa: chúng tôi nhận thấy rủi ro giảm khoảng 24% đối với tổng dự báo LNST sau lợi ích CĐTS giai đoạn 2026-32 hiện tại (chưa bao gồm dự phòng). Chúng tôi cũng giả định PNJ có thể ghi nhận 50%-100% khoản dự phòng 6.250 tỷ đồng trong nửa cuối năm, tương ứng tổng rủi ro giảm 39%-54% đối với tổng dự báo LNST sau lợi ích CĐTS giai đoạn 2026-32 (bao gồm dự phòng) so với dự báo hiện tại.

* **Tờ trình phát hành riêng lẻ:** tối đa 550 triệu cổ phiếu (so với 511,7 triệu cổ phiếu đang lưu hành); HĐQT quyết định giá phát hành.

* **Thời gian thanh toán mua lại:** Từ ngày 30/09, vàng miếng và vàng nhẫn được thanh toán trong 2 ngày; trang sức hàm lượng vàng cao, quà tặng sưu tầm, dây chuyền, trang sức trơn, trang sức Ý và trang sức gắn đá CZ/ECZ/đá tổng hợp trong 7 ngày; kim cương rời, trang sức kim cương, vỏ trang sức, trang sức đá quý và ngọc trai vẫn giữ thời hạn 120 ngày.

* **Quan điểm của chúng tôi:** Dựa trên tài liệu ĐHCĐ bất thường và KQKD sơ bộ 8T 2026, cả kết quả kinh doanh từ nhu cầu thực lẫn khoản dự phòng mua lại theo kế hoạch đều kém tích cực hơn dự báo trong báo cáo Cập nhật gần nhất của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo hiện tại và đang rà soát lại dự báo cũng như giá mục tiêu cho PNJ.

CTD: "Ông lớn" ngành xây dựng sẵn sàng bước vào chu kỳ tăng trưởng mới của Việt Nam – Báo cáo Công ty

* CTCP Xây dựng Coteccons (CTD) và câu chuyện tái cấu trúc thành công: Sau giai đoạn suy thoái 2019-22 và thời gian tái cơ cấu trong giai đoạn tài chính 2023-25, công ty đã tái khẳng định vị thế là nhà thầu xây dựng hàng đầu tại Việt Nam cũng như sở hữu vị thế thuận lợi để tham gia vào chu kỳ tăng trưởng mới của ngành xây dựng trong nước.

* Tại thời điểm cuối năm tài chính 2026, lượng backlog của CTD đạt 70 nghìn tỷ đồng (tương đương khoảng 2 lần doanh thu năm tài chính 2026), mức cao nhất trong lịch sử hoạt động của công ty và thuộc nhóm cao nhất trong số các nhà thầu tư nhân tại Việt Nam. Được hỗ trợ bởi mục tiêu tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) 14,5% của ngành xây dựng Việt Nam trong giai đoạn 2026-30 cùng với việc mở rộng thành công sang các phân khúc công nghiệp và hạ tầng, chúng tôi dự phóng CAGR backlog/doanh thu/LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi của CTD đạt lần lượt 19%/22%/25% trong giai đoạn năm tài chính 2026-31.

*** Định giá:** CTD hiện đang giao dịch ở mức P/E cốt lõi dự phóng năm tài chính 2027 là 7,8 lần, so với CAGR lợi nhuận cốt lõi 5 năm tới đạt 25%. P/B dự phóng năm tài chính 2027 ở mức 0,7 lần, thấp hơn mức 1,5-3,5 lần trong chu kỳ tăng trưởng giai đoạn 2014-18, khi công ty ghi nhận CAGR lợi nhuận cốt lõi đạt 44%. Chúng tôi cho rằng mức định giá tương đối thấp này một phần do biên lợi nhuận của CTD còn mỏng và nhu cầu vốn lưu động lớn do backlog tăng mạnh, qua đó làm tăng độ nhạy của lợi nhuận trước những biến động về biên lợi nhuận và tạo áp lực lên dòng tiền.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GTVH tr USD	GTGD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2025	P/E 2026	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
PNJ	Bán lẻ	16%	385	12,1	19.500	42.900	120%	0,0%	120%	KQ	11/09/26	3,8	9,7	7,6	0,7
KDH	Bất động sản	26%	638	3,1	13.400	28.800	115%	0,0%	115%	MUA	28/08/26	16,7	11,5	16,7	0,9
HDC	Bất động sản	48%	89	0,6	10.100	21.400	112%	0,0%	112%	KQ	09/01/26	3,6	7,4	16,7	0,8
F88	Tài chính TT	43%	415	0,3	46.900	98.000	109%	0,0%	109%	MUA	25/06/26	14,4	8,8	16,7	2,9
STK	Dệt may	83%	46	0,0	7.710	16.000	108%	0,0%	108%	KQ	17/01/25	13,8	7,3	10,8	0,7
HDG	Điện & Nước	34%	229	0,5	14.600	28.700	97%	0,0%	97%	MUA	16/07/26	8,7	10,9	16,7	0,9
MWG	Bán lẻ	0%	4.319	11,3	75.900	140.000	84%	5,5%	90%	MUA	17/08/26	15,8	9,5	12,9	3,1
DPG	Điện & Nước	31%	123	0,3	26.850	48.900	82%	2,2%	84%	MUA	11/06/26	8,3	8,7	12,9	1,1
GEX	Điện & Nước	43%	1.123	10,9	22.250	40.500	82%	2,2%	84%	MUA	06/07/26	19,8	19,7	11,4	1,5
HVN	Hàng không	22%	2.430	0,6	20.250	37.100	83%	0,0%	83%	KQ	22/07/25	8,6	7,3	18,1	6,7
DMX	Bán lẻ	40%	3.730	1,5	76.300	130.600	71%	9,5%	81%	MUA	21/09/26	14,5	9,0	12,9	3,1
PTB	Công nghiệp	11%	117	0,1	30.200	52.000	72%	7,0%	79%	KQ	06/10/25	4,0	5,2	13,0	0,8
PLC	Dầu khí	-0%	59	0,1	19.000	31.900	68%	5,3%	73%	MUA	12/09/25	113,1	6,1	10,8	1,1
BMI	Bảo hiểm	24%	80	0,0	13.800	23.100	67%	3,6%	71%	MUA	12/04/24	9,2	5,5	13,7	0,7
NLG	Bất động sản	14%	410	2,3	21.900	36.800	68%	2,3%	70%	MUA	28/08/26	12,8	15,9	16,7	0,9
CTG	Ngân hàng	6%	8.836	9,3	29.500	48.800	65%	1,5%	67%	MUA	26/08/26	7,6	6,3	11,1	1,2
HPG	VLXD	27%	6.544	17,5	20.100	32.700	63%	3,0%	66%	MUA	18/08/26	11,2	6,9	13,0	1,2
VGC	KCN	48%	745	1,2	43.100	66.800	55%	5,1%	60%	MUA	11/05/26	14,5	12,1	12,9	2,3
FPT	CNTT	21%	4.211	18,6	57.900	90.300	56%	4,0%	60%	MUA	08/06/26	11,1	9,8	11,6	2,7
ACG	Gỗ	12%	173	0,0	29.800	45.800	54%	5,7%	59%	MUA	15/07/25	9,4	7,4	13,0	1,0
MBB	Ngân hàng	1%	7.397	9,3	19.050	29.600	55%	2,6%	58%	MUA	21/05/26	6,6	5,5	11,1	1,2
DGC	Công nghiệp	46%	495	1,0	33.800	52.100	54%	3,0%	57%	KQ	20/07/26	4,5	6,7	10,8	0,8
VRE	Bất động sản	38%	2.029	3,9	23.150	35.600	54%	0,0%	54%	MUA	04/09/26	8,2	9,4	16,7	1,1
VTP	GTVT	45%	366	1,9	47.000	71.800	53%	0,0%	53%	PHTT	25/05/26	19,6	23,4	11,4	4,1
IDC	KCN	34%	571	2,9	35.500	51.200	44%	8,5%	53%	MUA	13/08/26	7,7	7,5	16,7	2,2
SZC	KCN	19%	117	0,2	16.900	24.700	46%	5,9%	52%	KQ	01/07/26	9,6	23,2	16,7	1,0

DXG	Bất động sản	35%	477	3,8	9.750	14.600	50%	0,0%	50%	MUA	28/08/26	54,8	57,7	16,7	0,9
PVS	Dầu khí	33%	802	5,3	33.900	49.000	45%	0,0%	45%	MUA	10/08/26	14,2	11,8	12,9	1,3
QTP	Điện & Nước	-1%	188	0,1	10.800	14.600	35%	9,3%	44%	MUA	10/12/25	4,8	7,4	10,3	0,8
POW	Điện & Nước	46%	1.473	3,9	12.450	17.800	43%	0,0%	43%	MUA	17/08/26	16,0	8,0	10,3	0,9
CTR	CNTT	43%	341	0,6	69.000	96.800	40%	2,2%	42%	KQ	14/04/26	13,2	11,3	12,9	3,9
ACB	Ngân hàng	7%	4.510	6,6	20.150	28.000	39%	3,5%	42%	MUA	28/08/26	7,5	6,6	11,1	1,2
PHR	Công nghiệp	-10%	309	0,8	32.900	45.900	40%	2,2%	42%	MUA	15/07/26	18,3	5,1	10,8	1,7
SSI	Chứng khoán	70%	2.199	18,5	19.000	25.800	36%	5,3%	41%	MUA	16/07/26	11,1	12,2	16,7	1,4
KBC	KCN	43%	926	1,7	25.500	34.600	36%	3,9%	40%	MUA	20/08/26	11,4	12,0	16,7	1,0
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.122	1,0	42.900	54.300	27%	11,7%	38%	MUA	01/10/26	12,8	11,0	12,2	2,8
REE	Điện & Nước	0%	1.081	0,8	44.950	60.800	35%	2,2%	37%	MUA	20/08/26	11,1	9,8	11,4	1,3
MSN	Bán lẻ	76%	4.179	15,7	74.200	101.200	36%	0,0%	36%	MUA	21/05/25	26,1	25,3	11,4	2,7
VCB	Ngân hàng	10%	18.270	12,0	56.700	76.500	35%	0,8%	36%	MUA	11/09/26	14,6	11,1	11,1	1,9
NT2	Điện & Nước	40%	254	0,7	22.850	29.000	27%	8,8%	36%	MUA	10/08/26	6,1	6,5	10,3	1,3
AST	DV Hàng không	3%	129	1,9	62.000	80.600	30%	5,6%	36%	MUA	26/08/25	11,2	10,8	12,9	4,7
TCB	Ngân hàng	2%	8.840	24,8	32.350	42.600	32%	3,1%	35%	MUA	12/08/26	9,1	7,9	11,1	1,3
DXS	Bất động sản	44%	110	0,5	4.920	6.600	34%	0,0%	34%	PHTT	28/08/26	8,4	12,2	16,7	0,4
TV2	Điện & Nước	-6%	66	0,1	25.350	33.000	30%	3,9%	34%	KQ	13/07/26	28,8	19,7	11,4	1,4
TPB	Ngân hàng	8%	1.409	5,0	11.450	14.700	28%	4,4%	33%	MUA	15/09/26	4,9	4,6	11,1	0,8
PPC	Điện & Nước	46%	108	0,0	8.750	11.000	26%	5,7%	31%	KQ	10/12/25	17,2	8,7	10,3	0,6
PC1	Điện & Nước	42%	299	1,7	18.850	24.700	31%	0,0%	31%	KQ	21/07/26	8,4	12,8	12,9	1,2
DHC	Công nghiệp	15%	150	0,7	36.500	45.800	25%	5,5%	31%	MUA	16/09/26	9,9	6,9	13,0	1,5
VPB	Ngân hàng	8%	9.178	26,0	23.800	30.200	27%	2,1%	29%	MUA	18/05/26	9,9	7,7	11,1	1,3
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	50%	4.650	5,7	57.700	70.300	22%	6,9%	29%	MUA	24/04/25	12,8	13,7	12,2	3,8
NKG	VLXD	46%	176	0,6	9.290	11.900	28%	0,0%	28%	PHTT	18/04/25	23,2	7,9	13,0	0,6
BID	Ngân hàng	13%	10.169	5,4	33.900	42.600	26%	0,0%	26%	KQ	30/09/26	9,5	9,0	11,1	1,4
BMP	VLXD	18%	449	0,4	142.100	163.000	15%	10,9%	26%	MUA	17/06/26	9,6	9,1	12,9	4,1
SIP	KCN	47%	461	0,2	49.400	58.900	19%	6,1%	25%	MUA	20/07/26	9,7	9,7	16,7	2,5

BWE	Điện & Nước	47%	395	0,2	40.750	49.600	22%	3,2%	25%	KQ	14/08/26	10,5	10,7	10,3	1,4
FRT	Bán lẻ	16%	1.032	4,9	149.600	181.400	21%	0,0%	21%	MUA	22/09/26	33,8	19,4	12,9	5,6
PVD	Dầu khí	42%	651	7,8	18.200	22.000	21%	0,0%	21%	KQ	21/08/26	18,8	18,4	12,9	1,0
GMD	GTVT	10%	1.377	4,2	55.000	63.900	16%	2,7%	19%	MUA	24/08/26	22,3	12,2	11,4	2,6
PLX	Xăng dầu	6%	1.864	7,4	37.350	43.200	16%	3,2%	19%	MUA	06/10/26	19,5	15,3	12,9	1,9
MCH	Bán lẻ	84%	7.210	3,3	143.000	163.000	14%	3,6%	18%	PHTT	28/11/25	27,7	25,1	12,2	10,0
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	82%	423	0,8	52.400	58.600	12%	5,7%	18%	KQ	30/07/26	8,3	7,7	12,2	1,2
BSR	Lọc hóa dầu	47%	5.996	16,1	31.050	35.800	15%	2,3%	18%	MUA	28/09/26	29,8	6,4	12,9	2,1
NVL	Bất động sản	46%	1.352	12,0	10.950	12.700	16%	0,0%	16%	MUA	01/10/26	18,6	20,0	16,7	0,6
DPM	Phân bón	47%	574	2,9	21.900	23.900	9%	6,8%	16%	KQ	04/09/26	16,7	10,4	10,8	1,3
HDB	Ngân hàng	7%	5.621	26,4	22.400	25.400	13%	2,2%	16%	MUA	06/03/26	8,3	6,9	11,1	1,7
GAS	Dầu khí	47%	7.509	5,1	80.700	90.000	12%	3,7%	15%	MUA	29/07/26	18,0	15,3	10,3	2,8
SCS	DV Hàng không	22%	159	0,2	42.900	43.400	1%	12,8%	14%	PHTT	22/09/26	5,4	5,4	18,1	2,7
VHM	Bất động sản	44%	20.909	30,7	66.000	74.000	12%	0,0%	12%	PHTT	28/08/26	12,9	9,0	16,7	2,1
VIB	Ngân hàng	1%	1.966	5,3	13.650	14.700	8%	3,7%	11%	KQ	18/08/26	7,0	5,6	11,1	1,1
BVH	Bảo hiểm	22%	2.181	2,9	76.200	83.600	10%	1,3%	11%	MUA	11/06/26	20,4	14,0	13,7	2,2
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	726	0,6	51.800	53.400	3%	7,7%	11%	KQ	30/08/24	9,9	7,4	12,2	1,8
HSG	VLXD	46%	308	0,8	9.900	10.400	5%	5,1%	10%	PHTT	18/04/25	12,8	13,6	13,0	0,7
STB	Ngân hàng	19%	4.893	15,4	67.300	73.500	9%	0,0%	9%	PHTT	15/09/26	23,6	21,3	11,1	2,0
TLG	Văn phòng phẩm	90%	201	0,5	54.000	56.100	4%	4,6%	9%	KQ	23/09/26	11,7	11,3	7,6	2,1
DCM	Phân bón	43%	711	4,2	34.850	35.800	3%	5,7%	8%	MUA	04/09/26	10,2	8,9	10,8	1,6
ACV	Hàng không	47%	5.640	0,5	40.900	43.300	6%	0,0%	6%	PHTT	19/08/26	13,1	12,9	11,4	2,0
PVT	Dầu khí	33%	502	7,8	25.200	25.200	0%	4,0%	4%	MUA	13/08/26	13,1	8,4	11,4	1,4
TDM	Điện & Nước	49%	276	0,0	58.500	57.700	-1%	2,2%	1%	PHTT	14/08/26	33,6	33,5	10,3	2,3
LPB	Ngân hàng	3%	4.689	5,6	40.700	39.300	-3%	2,5%	-1%	KKQ	18/11/25	10,7	11,2	11,1	2,8
GVR	Công nghiệp	-1%	5.067	3,5	32.850	32.100	-2%	1,2%	-1%	PHTT	20/07/26	24,7	19,2	10,8	2,2
DGW	Bán lẻ	20%	407	3,6	47.250	45.400	-4%	2,1%	-2%	KQ	18/06/26	19,1	16,2	12,9	2,8

VEA	Ô-tô	-1%	1.923	0,5	37.600	30.800	-18%	12,8%	-5%	PHTT	28/10/25	6,8	7,0	11,4	2,1
OIL	Dầu khí	6%	545	1,6	13.700	12.700	-7%	0,7%	-7%	KQ	17/10/25	33,4	30,2	12,9	1,3
VJC	Hàng không	25%	3.826	8,0	129.000	114.000	-12%	0,0%	-12%	KQ	15/03/24	35,9	14,4	18,1	3,8
VIC	Bất động sản	45%	67.501	33,9	225.500	117.000	-48%	0,0%	-48%	BÁN	14/09/26	148,4	66,0	16,7	10,3

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT: PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	49	131.835	2.691	19	14,7	11,3	8,8	15,7	1,6	25,4	16,1	11,3	1,8	3,6%
KHẢ QUAN	22	24.377	1.108	3	10,8	10,3	9,2	12,8	1,6	19,7	13,5	11,9	1,7	2,8%
PHÙ HỢP TT	12	47.036	3.920	3	17,0	15,2	12,0	16,5	2,3	17,7	17,7	15,9	2,6	3,1%
KÉM KHẢ QUAN	1	4.689	4.689	0	13,2	10,7	11,2	10,4	2,8	13,2	10,7	11,2	2,8	2,5%
BÁN	1	67.501	67.501	1	140,9	148,4	66,0	77,0	10,3	140,9	148,4	66,0	10,3	0,0%
TỔNG CỘNG	85	275.437	3.240	26	18,6	15,3	11,9	16,9	2,2	24,1	17,1	12,7	2,0	3,3%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	85.778	7.148	11	10,9	9,5	8,1	12,6	1,4	10,6	9,9	8,6	1,5	2,2%
Bảo hiểm	2	2.261	1.131	1	25,7	19,5	13,2	21,8	2,0	18,5	14,8	9,7	1,4	2,5%
Chứng khoán	1	2.199	2.199	1	15,2	11,1	12,2	15,1	1,4	15,2	11,1	12,2	1,4	5,3%
Tài chính thay thế	1	415	415	0	29,4	14,4	8,8	30,0	2,9	29,4	14,4	8,8	2,9	0,0%
Tiêu dùng	14	31.647	2.261	4	18,1	15,2	12,9	20,5	3,3	22,9	15,4	13,1	3,3	5,2%
CNTT	1	4.211	4.211	1	13,5	11,1	9,8	17,4	2,7	13,5	11,1	9,8	2,7	4,0%
Bất động sản	9	93.514	10.390	2	58,2	37,3	25,1	26,4	4,1	32,8	31,6	23,2	2,0	0,3%
Vật liệu	4	7.478	1.869	1	14,2	11,3	7,1	17,7	1,2	12,5	14,2	9,4	1,6	4,7%
Điện & Nước	12	5.613	468	1	19,0	12,2	10,5	17,9	1,2	25,0	14,4	13,0	1,2	3,3%
Dầu khí	10	19.215	1.921	2	27,7	19,9	10,3	22,7	2,0	47,9	28,7	13,1	1,6	3,2%
Công nghiệp	5	981	196	0	6,4	5,6	6,7	8,6	0,9	22,1	8,3	6,7	1,0	4,2%
Khu công nghiệp	7	8.198	1.171	1	23,0	16,8	13,8	19,1	1,9	21,6	13,7	12,7	1,8	4,7%
GTVT & Logistics	7	13.927	1.990	1	13,2	14,8	11,6	17,3	2,8	16,6	16,6	12,4	3,8	3,0%
TỔNG CỘNG	85	275.437	3.240	26	18,6	15,3	11,9	16,9	2,2	24,1	17,1	12,7	2,0	3,3%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap
 Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap
 *FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q2 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 6T 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	1%	14%	MUA		KQKD 6T 2026 khả quan, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi; mảng cho vay khách hàng cá nhân & SME và NIM cải thiện đáng kể
BID	15%	8%	KQ		NIM hồi phục trong quý 2 nhưng vẫn thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi
CTG	37%	17%	MUA		Quý 2 bứt phá nhờ NIM cải thiện mạnh, vượt kỳ vọng của chúng tôi
HDB	33%	17%	KQ		Tăng trưởng lợi nhuận mạnh nhờ đóng góp của các công ty con; chất lượng tài sản là điểm cần theo dõi
LPB	-3%	-4%	KKQ		KQKD kém hơn kỳ vọng do chi phí hoạt động và chi phí tín dụng tăng mạnh tiếp tục gây áp lực lớn lên đà tăng trưởng lợi nhuận trong quý 2
MBB	26%	20%	MUA		Mức tăng trưởng tín dụng mạnh và sự phục hồi của NIM hỗ trợ lợi nhuận tăng cao hơn kỳ vọng
STB	-50%	11%	PHTT		KQKD thấp hơn kỳ vọng do chất lượng tài sản suy giảm mạnh
TCB	15%	15%	MUA		KQKD của ngân hàng vượt kỳ vọng của chúng tôi, đặc biệt là về tăng trưởng tín dụng. Các chỉ tiêu chính khác bao gồm thu nhập từ phí, NIM và chất lượng tài sản đều có xu hướng tích cực.
TPB	5%	5%	MUA		Tăng trưởng tín dụng mạnh và đóng góp cao từ thu nhập ngoài lãi giúp hỗ trợ lợi nhuận; KQKD nhìn chung phù hợp với dự báo
VCB	37%	19%	MUA		Lợi nhuận cao hơn đáng kể so với kỳ vọng nhờ NIM cải thiện và thu nhập ngoài lãi tăng mạnh
VIB	7%	16%	KQ	KQ	NIM tiếp tục giảm; thu nhập ngoài lãi thúc đẩy lợi nhuận
VPB	66%	29%	MUA		KQKD tích cực được dẫn dắt bởi cả ngân hàng mẹ và mảng kinh doanh chứng khoán; bảng cân đối kế toán mở rộng mạnh mẽ
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	15%	68%	MUA		EPS tăng 15% YoY nhờ tăng trưởng phí bảo hiểm
BVH	36%	33%	MUA		Đà tăng trưởng mạnh của phí bảo hiểm phi nhân thọ và môi trường lãi suất thuận lợi giúp thúc đẩy lợi nhuận vượt kỳ vọng
SSI	28%	-7%	MUA		KQKD 6T 2026 ghi nhận đà tăng trưởng mạnh bất chấp thị trường biến động
F88	109%	62%	MUA		ROE đạt mức cao mới trong 6T 2026; kết quả kinh doanh phù hợp với kỳ vọng
Tiêu dùng					
CTR	21%	17%	KQ		KQKD quý 2 tiếp tục khả quan nhờ tăng trưởng từ mảng xây dựng và giải pháp điện năng lượng mặt trời
DGW	130%	17%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 tăng mạnh 167% YoY nhờ doanh thu khả quan của mảng máy tính xách tay và thiết bị văn phòng, biên lợi nhuận gộp cải thiện
FPT	15%	14%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 tăng 14% YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo; doanh thu kỳ mới mảng CNTT nước ngoài phục hồi từ mức nền thấp
FRT	119%	74%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 tăng mạnh 188% YoY, nhờ lợi nhuận của Long Châu tăng trưởng tích cực
MSN (2)	188%	42%	MUA		Mức lợi nhuận cao kỷ lục đưa ROE nửa đầu năm 2026 lên mức 19%, trong khi tỷ lệ nợ thuần/EBITDA giảm xuống mức 2,4 lần

MCH	12%	14%	PHTT		Doanh thu và lợi nhuận Q2 2026 phục hồi YoY từ nền thấp nhưng thấp hơn kỳ vọng
MWG	88%	18%	MUA		Doanh thu tăng 30% YoY trong Q2 2026, doanh thu/cửa hàng BHX cải thiện; LNST 6T gần gấp đôi YoY
DMX	98%	61%		MUA	Năm trụ cột dự nên giai đoạn tăng trưởng tiếp theo
PNJ	11%	-61%	PHTT	KQ	Ghi nhận lỗ ròng 283 tỷ đồng trong quý 2/2026, chủ yếu do trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động mua lại
QNS	2%	33%	KQ		LNTT Q2 2026 tăng 7% YoY, sửa thực vật tăng trưởng mạnh; giá đường thấp hạn chế lợi nhuận
SAB	18%	1%	MUA		Biên lợi nhuận gộp vẫn vững vàng nhưng chi phí A&P gây áp lực lên lợi nhuận quý 2
TLG	4%	20%	MUA		Tăng trưởng xuất khẩu tích cực hỗ trợ doanh thu 6 tháng đầu năm, KQKD nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
VEA	17%	-7%	PHTT		Lợi nhuận quý 2 tăng 5% YoY trong bối cảnh lợi nhuận từ các công ty liên kết đi ngang
VHC	9%	7%	MUA	KQ	Lợi nhuận quý 2 chịu áp lực do thu nhập tài chính ròng giảm và hoàn nhập dự phòng thu hẹp
VNM	38%	6%	MUA		LNST sơ bộ Q2 2026 tăng 28% YoY nhân kỷ niệm 50 năm
GTVT & Logistics					
ACV	11%	-3%	PHTT	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 tăng 29% YoY nhờ lãi tỷ giá và thu nhập từ công ty liên kết dù doanh thu hàng không hạ nhiệt; nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
AST	52%	6%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T tăng 52% YoY nhờ hoạt động kinh doanh cốt lõi tích cực và đóng góp từ công ty liên kết; vượt mức kỳ vọng
GMD (2)	22%	31%	MUA	MUA	KQKD tốt hơn của cụm cảng phía Nam so với phía Bắc dự kiến sẽ thúc đẩy lợi nhuận cốt lõi năm 2026
HVN	-43%	19%	PHTT		Quý 2 ghi nhận lỗ do cú sốc chi phí nhiên liệu dù doanh thu tăng trưởng mạnh; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
SCS	1%	0%	PHTT	PHTT	Việc dự án Long Thành giả định đi vào hoạt động trong nửa đầu năm 2027 sẽ gây áp lực lên lợi nhuận, được bù đắp một phần nhờ mức lợi suất cổ tức cao
VJC	4%	N.A	KQ		Gián đoạn tại Trung Đông và chi phí nhiên liệu ở mức cao ảnh hưởng đến lợi nhuận cốt lõi quý 2; giao dịch SALB & ROFR hỗ trợ doanh thu bảo cáo
VTP	-40%	-16%	PHTT		Lợi nhuận tiếp tục suy yếu do mức giảm của biên lợi nhuận mảng dịch vụ và sự gia tăng của chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp
Bất động sản					
DXG	-30%	-5%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 giảm 30% YoY do biên lợi nhuận thu hẹp
DXS	-40%	-32%	KQ	PHTT	Hoạt động môi giới chậm lại và các khoản trích lập dự phòng khiến KQKD quý 2 thấp hơn kỳ vọng
HDC	41%	-51%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 được hỗ trợ bởi khoản thu nhập khác; đã nhận đủ số tiền từ việc chuyển nhượng dự án Đại Dương
NVL	N.M.	-7%	MUA	MUA	Dự kiến bàn giao tăng tốc, khôi phục lại hoạt động bán hàng từ năm 2027
KDH	218%	45%	MUA	MUA	Dự án Gladia và Bình Trưng Đông thúc đẩy triển vọng doanh số bán BĐS giai đoạn 2026-27
NLG	-53%	-20%	MUA	MUA	Hoạt động mở bán và bàn giao dự kiến sẽ tăng tốc, qua đó hỗ trợ cho đà tăng trưởng của lợi nhuận
VHM	372%	43%	PHTT	PHTT	Đẩy mạnh hoạt động bán lẻ lớn tại các đại dự án; tiềm năng từ các dự án hạ tầng chưa được đưa vào dự báo

VIC	182%	125%	BÁN	BÁN	Lợi nhuận mảng BĐS tích cực, doanh số xe điện tăng trưởng ổn định, nhu cầu huy động vốn gia tăng
VRE	33%	-13%	PHTT	MUA	Hoạt động cho thuê duy trì ổn định trong nửa cuối năm 2026; mảng bán BĐS mới đóng góp từ năm 2027
Khu công nghiệp					
GVR	73%	15%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng 73% YoY chủ yếu nhờ thu nhập thuần khác, vượt kỳ vọng của chúng tôi
IDC	37%	3%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng 37% YoY nhờ lượng bàn giao đất KCN cao hơn; doanh số cho thuê đất KCN phục hồi đúng kỳ vọng
KBC	-80%	-5%	MUA	MUA	Lợi nhuận 6T 2026 giảm mạnh 80% YoY chủ yếu do lượng đất KCN bàn giao thấp và chi phí tài chính ở mức cao
PHR	245%	118%	MUA		Thu nhập từ bồi thường đất thúc đẩy lợi nhuận 6T 2026 tăng mạnh 245% YoY, phù hợp với kỳ vọng
SIP	18%	6%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng 18% YoY, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
SZC	-84%	-59%	KQ		Lợi nhuận nửa đầu năm 2026 sụt giảm mạnh so với cùng kỳ do thay đổi phương pháp ghi nhận doanh thu, trong khi doanh số cho thuê đất KCN phục hồi mạnh
Vật liệu & Công nghiệp					
ACG (2)	27%	19%	MUA		Doanh thu tiếp tục vượt kỳ vọng nhờ doanh số trong nước tích cực trong quý 2, lợi nhuận cốt lõi nhìn chung phù hợp với dự báo
BMP	9%	5%	MUA		Lợi nhuận thiết lập kỷ lục mới nhờ biên lợi nhuận ròng đạt mức cao nhất trong một thập kỷ, bù đắp cho mức sụt giảm mạnh về sản lượng; phù hợp với kỳ vọng
DGC	-52%	-33%	MUA	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 giảm 52% YoY do sản lượng giảm YoY và áp lực chi phí; kế hoạch ĐHCĐ năm 2026 cho thấy rủi ro giảm dự báo
DHC	99%	3%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 tăng hơn 2 lần YoY nhờ giá giấy tích cực và biên lợi nhuận mở rộng; KQKD 6 tháng đầu năm vượt đáng kể so với kỳ vọng
HPG (2)	49%	37%	MUA	MUA	Triển vọng lợi nhuận tích cực được duy trì cùng với mức định giá hấp dẫn
HSG (1)	5%	-5%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 3 tăng mạnh nhờ biên lợi nhuận cải thiện đáng kể; tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo ngắn hạn nhưng triển vọng dài hạn không thay đổi
NKG	102%	480%	PHTT		Lợi nhuận quý 2/2026 tăng mạnh nhờ sản lượng phục hồi và biên lợi nhuận cải thiện; tuy nhiên, lợi nhuận 6T vẫn thấp hơn so với dự báo
PTB	17%	-19%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS nửa đầu năm tăng 17% YoY; tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo
STK	N.M.	231%	KQ		Sự phục hồi của sản lượng vẫn chưa đủ bù đắp gánh nặng khấu hao và chi phí lãi vay từ Unitex
Điện & Nước					
BWE (2)	8%	-12%	MUA	KQ	Lợi nhuận mảng nước tích cực trong nửa đầu năm bù đắp cho mức lợi nhuận giảm từ các mảng khác
GEX	-19%	1%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 giảm so với cùng kỳ do chi phí lãi vay cao dù lợi nhuận của GEE/VGC tăng mạnh; không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026
HDG	-27%	22%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo giảm YoY do các chi phí bất thường; dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026 đối mặt với rủi ro giảm nhẹ
NT2	60%	-6%	MUA	MUA	Sản lượng điện thương phẩm tăng mạnh 57% YoY thúc đẩy tăng trưởng LNST; tiềm năng điều chỉnh tăng

PC1	72%	-34%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi 6T giảm nhẹ YoY; tuy nhiên sẽ không có sự thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026
POW	350%	101%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi 6T 2026 tăng gấp đôi YoY, hoàn thành 115% dự báo năm 2026 của chúng tôi; triển vọng 6T cuối năm tích cực, tiềm năng điều chỉnh tăng đáng kể
PPC	184%	99%	KQ		LNST báo cáo 6T 2026 tăng 2,8 lần YoY nhờ thu nhập cố tức; lợi nhuận mảng phát điện vẫn thấp hơn kỳ vọng
QTP	44%	-35%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng 44% YoY nhờ chênh lệch giá mở rộng; vượt kỳ vọng
REE	9%	17%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 tăng 9% YoY bất chấp El Nino
TDM (2)	-47%	18%	KQ	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 hoàn thành 64% dự báo cả năm, phù hợp kỳ vọng.
TV2	370%	46%	KQ		LNST 6T 2026 tăng gấp 3 lần YoY, khoản trả trước lớn từ khách hàng hỗ trợ doanh thu EPC, tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo
DPG	12%	-4%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 hoàn thành 49% dự báo cả năm, nhìn chung phù hợp kỳ vọng
VGC	3%	12%	MUA		LNST quý 2 tăng trưởng nhờ diện tích bán giao KCN tăng gấp đôi so với cùng kỳ và đa phục hồi đúng tiến độ của mảng VLXD, phù hợp với kỳ vọng
Dầu khí					
BSR	1194%	363%	PHTT	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo 6T 2026 tăng 13 lần YoY nhờ biên lợi nhuận vượt trội; cao hơn kỳ vọng
DCM (2)	55%	61%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 +36% YoY, +36% QoQ nhưng có rủi ro điều chỉnh giảm dự báo LNST 2026
DPM	117%	82%	PHTT		LNST quý 2 tăng 2,3 lần YoY; tuy nhiên, dự báo LNST năm 2026 đối mặt với rủi ro giảm
GAS	17%	10%	MUA		LNST cốt lõi quý 2 tăng 59% YoY, tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ với dự báo cốt lõi
OIL (2)	95%	39%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo 6T 2026 tăng 84% YoY dù ghi nhận lỗ trong quý 2, kết quả nhìn chung cao hơn nhẹ so với kỳ vọng
PLX (2)	39%	30%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS 6T tăng 36% YoY nhờ hoàn nhập dự phòng và sản lượng bán tăng; kết quả nhìn chung cao hơn nhẹ so với kỳ vọng
PLC	186%	834%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng gần gấp 3 lần YoY nhờ biên lợi nhuận mở rộng; tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo
PVD (2)	70%	30%	MUA	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi 6T 2026 tăng 66% YoY, trong khi quý 2 giảm 11% YoY; thấp hơn dự báo
PVS (2)	-32%	6%	MUA	MUA	LNST 6T 2026 tăng 37% YoY; LNST cốt lõi nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
PVT (2)	65%	58%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi 6T 2026 tăng 64% YoY nhờ giá cước tàu chở dầu tăng và đội tàu mở rộng; cao hơn nhẹ so với kỳ vọng

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 + quý 3 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.735,09	-3,88
VN 30	1.873,43	-3,57
VN Mid	1.804,18	5,87
VNSmall	1.222,26	-2,76

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	261,60	5,38
HNX30	432,43	3,01
VNX Allshare	2.742,78	3,54

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	124,24	-0,97

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	12.882,5	46,7%
Khối ngoại mua	3.560,0	12,9%
Khối ngoại bán	13.295,5	48,2%
Tổng giao dịch	27.605,1	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	33,5	3,2%
Khối ngoại mua	55,9	5,4%
Khối ngoại bán	65,1	6,3%
Tổng giao dịch	1.038,8	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	60,5	10,9%
Khối ngoại mua	14,3	2,6%
Khối ngoại bán	3,8	0,7%
Tổng giao dịch	556,4	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PNJ	1.250	6,9%
IDI	330	6,8%
NVL	700	6,8%
CSV	1.100	5,1%
QCG	450	4,6%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
THD	8.100	10,0%
LHC	4.100	10,0%
CEO	400	4,0%
MST	300	3,3%
NVB	500	3,0%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
SAS	2.648	7,8%
PVX	109	7,8%
CLI	1.463	5,7%
OIL	567	4,3%
DRI	526	3,2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
DHC	-2.700	-6,9%
KOS	-750	-6,8%
ELC	-550	-4,7%
VOS	-500	-4,0%
PVP	-900	-3,6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
KSV	-10.100	-7,6%
HGM	-4.200	-3,3%
PSD	-400	-2,8%
TNG	-500	-2,7%
OCH	-200	-2,6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TOS	-6.221	-7,8%
MVN	-4.623	-6,4%
G36	-435	-4,5%
SGP	-760	-3,5%
VGT	-401	-3,3%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1,5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
MCH	9.756,2
VHM	2.240,1
SHB	1.363,6
HDB	977,5
NVL	782,8

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	220,8
PVS	180,7
CEO	120,4
MBS	72,0
IDC	62,9

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
MSR	152,5
OIL	79,2
BT1	43,8
DRI	43,0
VGI	24,3

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
MCH	65.079.693	593.094
DRH	4.088.200	210.704
IDI	1.737.444	177.369
FUESSVFL	1.211.435	211.519
CSV	1.377.546	257.822
ASM	701.413	143.348
KOS	2.149.495	524.143
DHC	1.613.484	470.841
NHA	529.232	164.936
HDC	4.332.338	1.358.669

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
CAR	427.108	67.566
MBG	641.438	104.480
BKC	358.350	72.869
KSV	238.657	64.750
DVM	559.070	206.461
PSD	258.180	104.463
SHS	19.223.337	7.925.773
CEO	11.750.822	5.184.247
HDA	494.483	221.200
VIG	110.712	50.108

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
PVX	769.070	66.878
POM	1.703.766	255.057
QBS	287.918	55.828
KCB	251.836	60.151
BOT	334.100	87.815
ACM	273.425	74.529
CVN	700.200	213.515
KVC	355.131	132.992
VGT	1.074.655	445.799
CLI	214.912	99.821

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.210		13,0	1,7	14,1%
TCX	3.473	91,5%	14,6	2,0	13,7%
VCK	2.488	96,5%	13,8	2,1	17,2%
SSI	2.199	70,0%	10,8	1,4	13,4%
VPX	1.663	96,1%	8,0	1,2	16,2%
HCM	1.225	14,6%	17,6	1,8	9,8%

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	649		11,4	1,5	13,0%
BVH	2.181	22,0%	17,0	2,2	13,3%
PVI	632	43,1%	12,4	1,8	15,2%
BIC	156	7,5%	9,4	1,2	13,1%
VNR	146	22,8%	8,2	0,9	11,3%
MIG	131	82,6%	10,1	1,2	12,4%

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.759		15,0	3,5	25,6%
ACV	5.640	47,3%	13,2	2,0	15,7%
MVN	3.115	0,0%	28,7	5,3	19,4%
VEA	1.923	-1,3%	6,5	2,1	28,1%
GEE	1.741	49,1%	12,7	5,6	45,7%
GMD	1.377	9,7%	13,8	2,6	19,3%

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.797		18,0	4,2	24,6%
MCH	7.210	84,0%	26,4	10,0	40,1%
VNM	4.650	50,3%	11,0	3,8	33,9%
MSN	4.179	75,7%	16,0	2,7	19,4%
SAB	2.122	41,2%	11,5	2,8	22,3%
SBT	824	76,3%	24,9	1,8	7,4%

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.972		14,2	1,5	13,8%
BSR	5.996	47,4%	7,8	2,1	30,5%
PLX	1.864	5,5%	14,8	1,9	12,5%
PVS	802	33,1%	9,9	1,3	14,0%
PVD	651	41,8%	15,2	1,0	6,5%
OIL	545	6,4%	23,1	1,3	5,7%

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.375		11,0	2,1	19,5%
GAS	7.509	46,9%	15,3	2,8	18,9%
POW	1.473	46,1%	6,1	0,9	16,2%
REE	1.081	0,0%	10,6	1,3	12,6%
PGV	983	50,0%	5,2	1,4	28,3%
DNH	831	0,0%	18,0	3,9	21,8%

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	18.918		24,2	3,7	29,5%
VIC	67.501	45,0%	82,0	10,3	13,9%
VHM	20.909	43,7%	6,8	2,1	32,6%
KSF	2.623	50,0%	4,5	3,2	77,2%
VRE	2.029	38,0%	7,3	1,1	15,0%
BCM	1.529	33,7%	20,4	1,8	8,9%

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.059		8,3	1,4	18,3%
VCB	18.270	10,1%	11,4	1,9	17,9%
BID	10.169	12,5%	8,0	1,4	18,2%
VPB	9.178	7,8%	8,0	1,3	17,7%
TCB	8.840	2,1%	8,5	1,3	15,7%
CTG	8.836	5,6%	5,7	1,2	21,9%

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.979		26,6	4,0	20,7%
VPL	5.588	42,4%	48,0	3,3	7,8%
MWG	4.319	0,0%	11,4	3,1	29,2%
VJC	3.826	24,7%	45,6	3,8	8,6%
DMX	3.730	40,0%	15,0	3,1	0,0%
HVN	2.430	21,6%	13,0	6,7	58,1%

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.330		14,9	3,2	27,0%
HPG	6.544	27,4%	7,3	1,2	17,4%
GVR	5.067	-0,6%	18,8	2,2	12,0%
MSR	2.904	94,0%	30,9	5,2	19,0%
KSV	1.423	0,0%	10,5	5,6	62,9%
DCM	711	42,7%	7,1	1,6	23,6%

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	237		34,7	2,8	15,8%
DHG	450	46,0%	12,1	3,4	24,1%
IMP	220	5,4%	15,8	2,4	15,6%
DHT	193	9,3%	124,5	4,5	3,7%
DBD	169	83,3%	15,1	2,5	16,6%
DVN	156	-0,0%	5,9	1,1	18,9%

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	918		32,3	1,3	10,5%
FPT	4.211	20,6%	10,9	2,7	26,5%
CMG	180	13,8%	11,9	1,4	12,3%
SAM	94	48,5%	21,5	0,6	2,8%
SGT	52	-5,5%	107,1	0,6	0,6%
ELC	51	45,7%	9,9	1,0	10,5%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

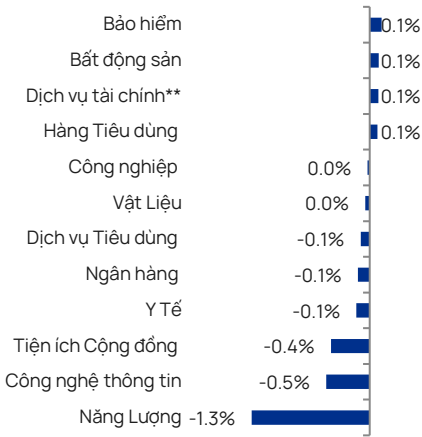
* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

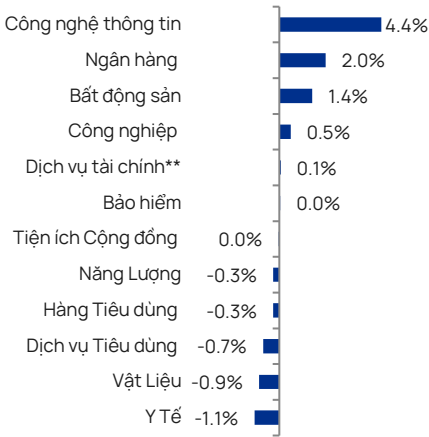
Diễn biến hàng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

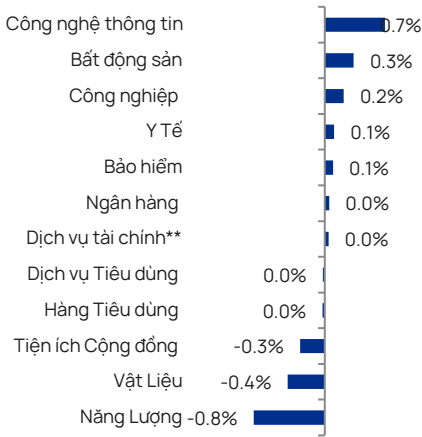


Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



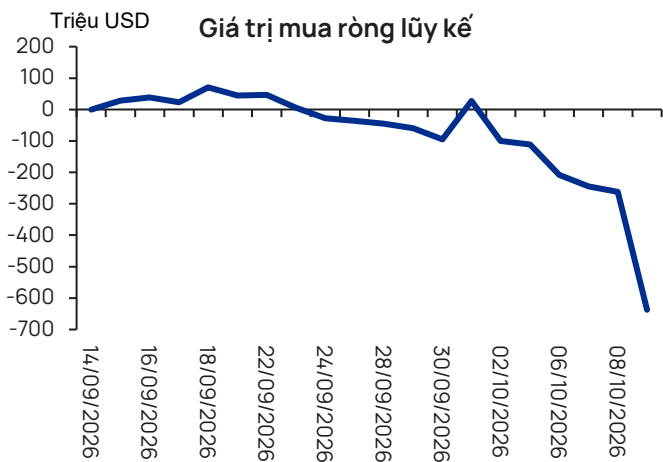
Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



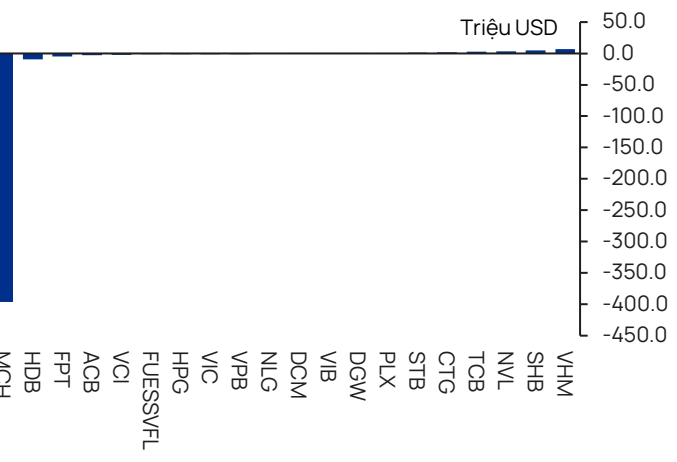
GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày

(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất

(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày



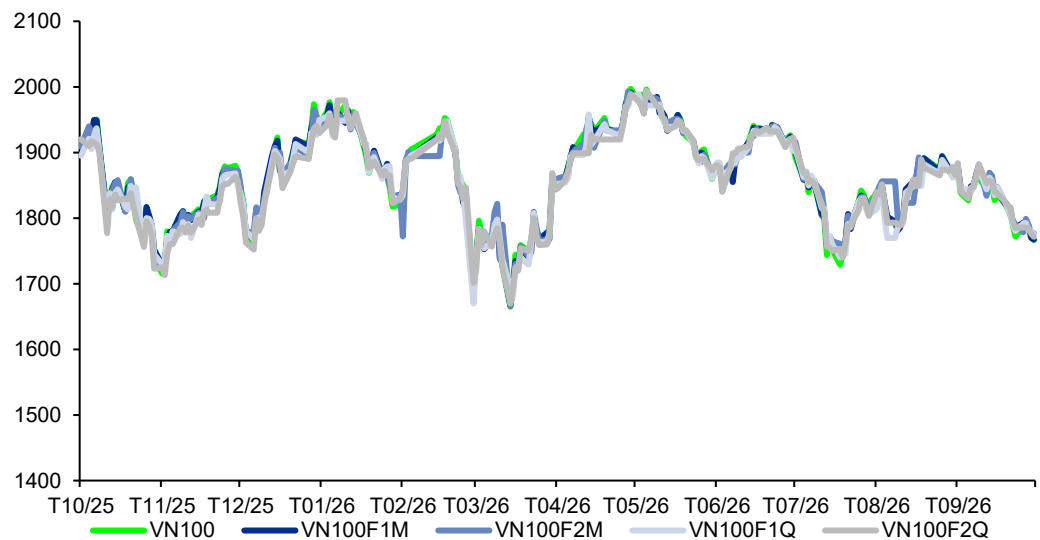
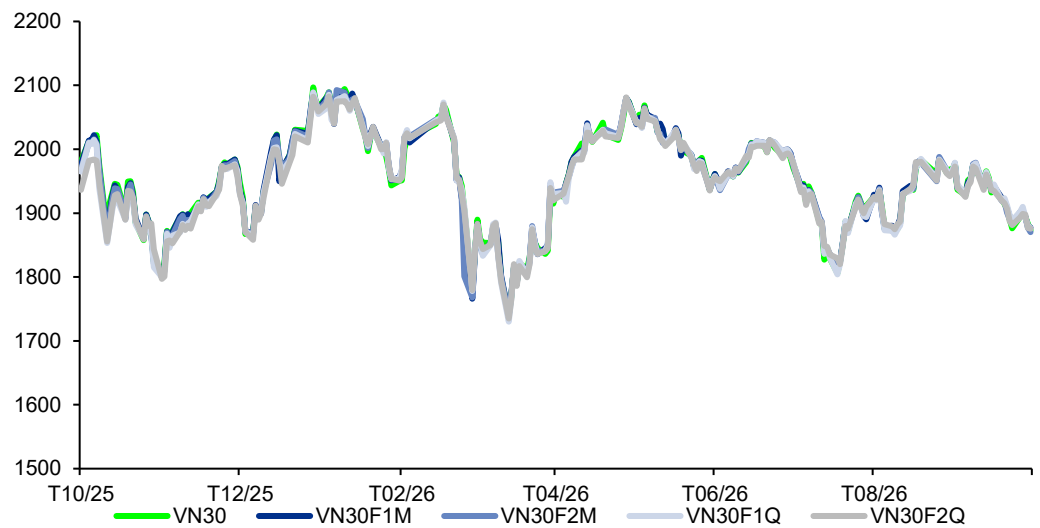
Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro

** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.877,2	-3,0	-0,2%	3,8
VN30F2M	1.870,3	-7,1	-0,4%	-3,1
VN30F1Q	1.876,2	-4,3	-0,2%	2,8
VN30F2Q	1.875,8	-1,1	-0,1%	2,4
VN100F1M	1.767,0	-3,0	-0,2%	0,3
VN100F2M	1.777,0	-0,5	-0,0%	10,3
VN100F1Q	1.775,2	-5,8	-0,3%	8,5
VN100F2Q	1.771,5	-5,2	-0,3%	4,8

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	26.771	-21,8%	273,54	12,5%
VN30F2M	2.391	4,5%	0,68	-1,0%
VN30F1Q	685	-3,4%	0,09	61,8%
VN30F2Q	383	1,1%	0,03	-85,5%
VN100F1M	75	-41,4%	0,11	468,4%
VN100F2M	8	33,3%	0,01	-45,5%
VN100F1Q	38	-2,6%	0,02	14,3%
VN100F2Q	20	17,6%	0,17	1.560,0%

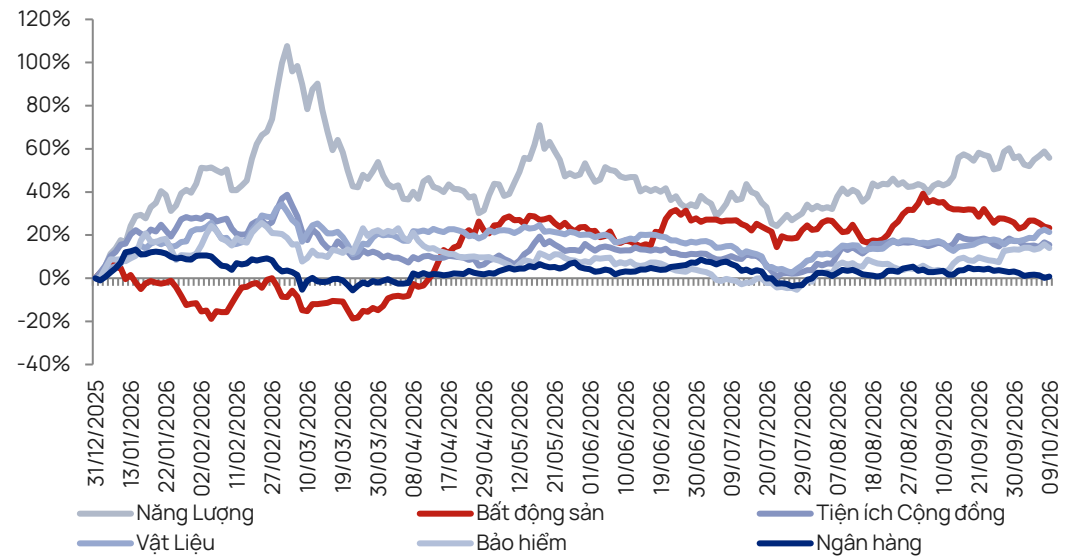


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

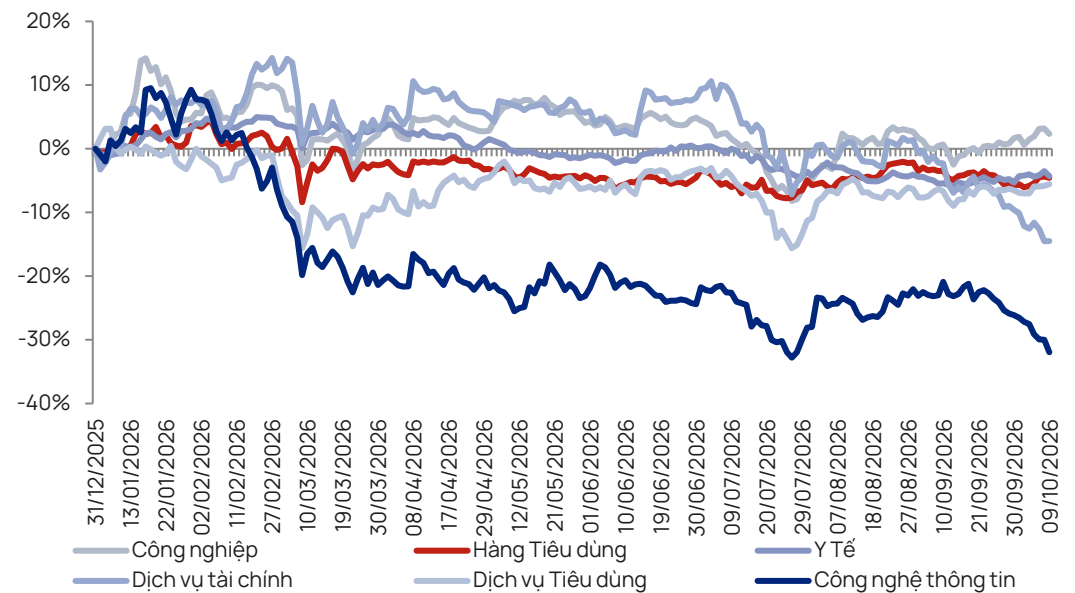
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



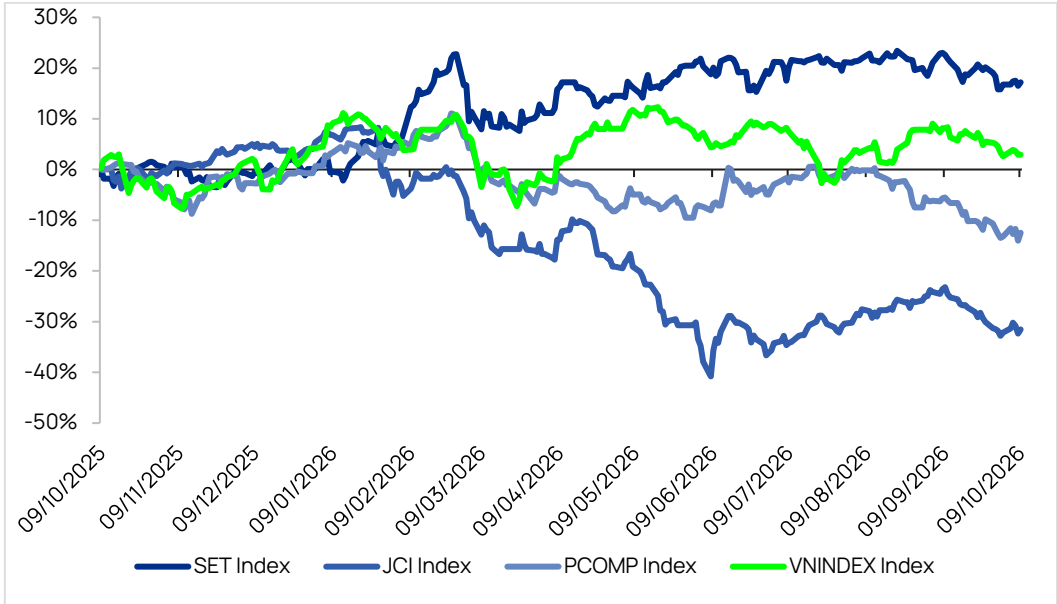
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



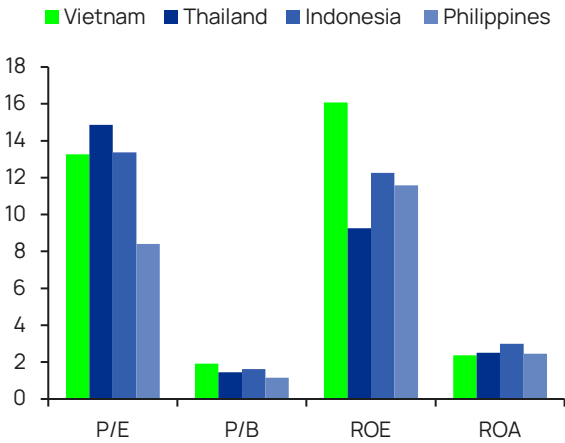
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	14,9	13,4	8,4	13,3
P/B	1,5	1,6	1,1	1,9
ROE (%)	9,3	12,3	11,6	16,1
ROA (%)	2,5	3,0	2,5	2,4
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	591,9	593,9	130,6	325,6
GTGD trung bình, tr USD	1.775,2	1.088,8	80,9	782,7
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	403,7	-4.888,5	-599,8	-3.921,3
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(279,0)	(138,3)	(20,7)	(160,2)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,80%	7,04%	7,59%	4,29%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam

Giám đốc, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Nghân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,

Trưởng phòng, ext 138

- Vũ Thế Quân, Trưởng phòng, ext 364

- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

- Đinh Kiến Vương, Chuyên viên, ext 468

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương

Trưởng phòng cao cấp, ext 368

- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Bùi Nguyên Cẩm Giang

Trưởng phòng cao cấp, ext 125

- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584

- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532

- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương

Phó Giám đốc, ext 140

- Dương Tấn Phước, Chuyên viên cao cấp, ext 135

- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

- Nguyễn Thị Thùy Dương, Chuyên viên, ext 132

Bất động sản

Lưu Bích Hồng

Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy

Trưởng phòng cao cấp, ext 147

- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191

- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129

- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366

- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570

- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le

Giám đốc

Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh

Giám đốc điều hành

Phòng Tư Vấn Đầu Tư

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.